

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2017
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Liên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Luật và bà Trần Thị Luận.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1971;
ĐKKHKT: Số 18 M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương - (có mặt);
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1968;
Địa chỉ: 189/2, KP 4 H, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 8 năm 2017 cùng bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Do chị hiện nay sống ở tỉnh Hải Dương, nên chị và anh T đã có đơn thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương giải quyết vụ án ly hôn của anh chị.

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tấn T kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào ngày 29/01/1996 (Giấy đăng ký số

22 quyền số 01/1996). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hai vợ chồng đều là bộ đội. Đến năm 2010, gia đình chị chuyển về thị trấn N, huyện N. Từ khi về quê chị sống, anh T không quen với cách sống của quê chị và không thống nhất với cách nuôi dạy con của chị, nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Anh, chị đã tìm nhiều cách để khắc phục mâu thuẫn, nhưng đều không có kết quả. Khoảng giữa năm 2013, mâu thuẫn của vợ chồng trở lên trầm trọng, anh T đã bỏ vào trong phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai sống. Từ đó, vợ chồng không quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Tấn T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Nguyệt P, sinh ngày 20/8/1996 và Nguyễn Thị Tiểu P, sinh ngày 22/4/2002, hiện các con đang ở với chị. Cháu Nguyệt P đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất tâm thần, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm nuôi con. Chị xin được tiếp tục nuôi cháu Tiểu P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 08 tháng 8 năm 2017, anh Nguyễn Tấn T trình bày: Anh xác định điều kiện kết hôn của anh chị đúng như chị Đỗ Thị H đã trình bày. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do sau khi vợ chồng anh chuyển về thị trấn N, huyện N, anh không thể quen với phong tục tập quán, cách sống ở quê vợ. Mặt khác vợ chồng không thống nhất cách giáo dục con, nên thường xuyên cãi nhau. Đến giữa năm 2013, anh xác định không thể tiếp tục chung sống với chị H được, nên đã vào thành phố B sinh sống. Từ đó, vợ chồng anh sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là: Nguyễn Thị Nguyệt P, sinh ngày 20/8/1996 và Nguyễn Thị Tiểu P, sinh ngày 22/4/2002. Hiện chị H đang nuôi hai con, cháu Nguyệt P đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H xin nuôi cháu Tiểu P và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đã nhận được thông báo thụ lý, các giấy triệu của Tòa án gửi cho anh. Do ở xa, anh không thể về được, nên anh đề nghị Tòa án không phải hòa giải và đề nghị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xét xử vắng mặt anh.

Cháu Nguyễn Thị Tiểu P, sinh ngày 22/4/2002 có nguyện vọng xin ở với chị H.

Tại phiên tòa, chị Đỗ Thị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và các ý kiến về con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các bước, các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã có lời khai và có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa là thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, xử vắng mặt anh Tài là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Đỗ Thị H ly hôn anh Nguyễn Tấn T; về con chung: Xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Nguyệt P, sinh ngày 20/8/1996 và Nguyễn Thị Tiểu P, sinh ngày 22/4/2002. Cháu Nguyệt P đã trưởng thành, nên Tòa án không phải giải quyết về trách nhiệm nuôi con. Chấp nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T, giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Tiểu P đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung, công sức, nguyên, bị đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Tấn T và chị Đỗ Thị H đã có đơn thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Nam Sách giải quyết vụ án ly hôn của anh chị. Căn

cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Nam Sách thụ lý giải quyết vụ án ly hôn là đúng pháp luật.

[2] Anh Nguyễn Tấn T đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tấn T kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng về cách sống, cách nuôi dạy con, nên thường xuyên mâu thuẫn. Từ giữa năm 2013 đến nay, anh chị đã ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm với nhau. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh T cũng đồng ý. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh và chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài thời gian cũng không đem lại hạnh phúc cho hai bên. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H.

[4] *Về quan hệ con chung*: Xác nhận, Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tấn T có 02 con chung là Nguyễn Thị Nguyệt P, sinh ngày 20/8/1996 và Nguyễn Thị Tiểu P, sinh ngày 22/4/2002. Cháu Nguyệt P đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết về trách nhiệm nuôi con. Anh T và chị H thỏa thuận để chị H tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Tiểu P, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận của anh T và chị H cũng phù hợp với nguyện vọng xin ở với mẹ của cháu Tiểu P. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự thỏa thuận về nuôi con của anh T và chị H.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tấn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về án phí*: Chị Đỗ Thị H xin ly hôn, nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đỗ Thị H ly hôn anh Nguyễn Tấn T.

2. *Về quan hệ con chung*: Xác nhận chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tấn T có 02 con chung là Nguyễn Thị Nguyệt P, sinh ngày 20/8/1996 và Nguyễn Thị Tiểu P, sinh ngày 22/4/2002. Cháu Nguyệt P đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết về trách nhiệm nuôi con.

Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tấn T, giao cho chị H tiếp tục nuôi con Nguyễn Thị Tiểu P, sinh ngày 22/4/2002 đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tấn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự, nhưng được đối trừ với 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai số AB/2014/0000102 ngày 04/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Chị Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Tấn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hà Thị Liên